

Bản tin số 15: Tháng 10/2023

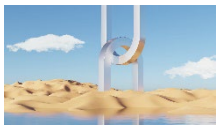
Tài chính, Kinh tế & Thương mại



[Đông Nam Á dự kiến sẽ thúc đẩy nhu cầu về khí đốt tự nhiên - khu vực sẽ tiến hành 'môi hành đông'](#)

Các chuyên gia trong ngành dự báo các nước Đông Nam Á sẽ trở thành động lực chính cho thị trường khí tự nhiên hoá lỏng (LNG) trong vài năm tới. Thương mại LNG toàn cầu đã tăng lên mức kỷ lục vào năm 2022, chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu tăng vọt từ châu Âu khi khu vực này thoát khỏi sự phụ thuộc vào đường ống của Nga sau cuộc xâm lược Ukraine của Moscow.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.1



[Tăng trưởng năng lượng sạch khơi mở tiềm năng kiềm chế sự nóng lên 1,5°C trên toàn cầu](#)

Việc đẩy mạnh phát thải khí nhà kính từ ngành năng lượng của thế giới xuống mức 0 và hạn chế sự nóng lên toàn cầu ở mức 1,5°C vẫn khả thi nhờ vào sự tăng trưởng kỷ lục của các công nghệ năng lượng sạch quan trọng, mặc dù động lực cần tăng nhanh ở nhiều lĩnh vực. Báo cáo Net Zero Roadmap mới nhất mang tính bước ngoặt của IEA cho thấy tham vọng và quá trình triển khai ở quy mô rộng lớn hơn, được hỗ trợ bởi sự hợp tác quốc tế mạnh mẽ hơn, đóng vai trò quan trọng trong việc đạt được các mục tiêu về khí hậu.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.2



[Tác động của Chiến lược Dệt may Bền vững và Tuần hoàn của EU đối với Việt Nam](#)

Vào tháng 3 năm 2022, Liên minh Châu Âu đã thông qua Chiến lược về Dệt may Bền vững và Tuần hoàn của EU. Nhận thức được chi phí môi trường to lớn khi tiêu thụ quần áo và hàng may mặc ở Châu Âu, chiến lược này bao gồm một loạt các quy định về môi trường nhằm giảm thiểu những chi phí đó. Bài viết này xem xét chi tiết về chiến lược mới này và những tác động có thể xảy ra đối với các nhà sản xuất dệt may tại Việt Nam.

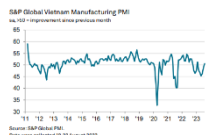
Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.3



[Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN](#)

Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA) có tầm quan trọng đáng kể trong việc tạo thuận lợi cho thương mại hàng hóa thương mại và đã thu hút được sự quan tâm đáng kể của các nước trong khối. Bài viết này phân tích các thông tư quan trọng nhằm mang đến hiểu biết toàn diện về việc thực thi quy tắc xuất xứ (ROO) trong ATIGA của Việt Nam và xác định những thay đổi đáng chú ý.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.4



[Chỉ số PMI Việt Nam: Số lượng đơn đặt hàng mới tăng lần đầu tiên kể từ tháng Hai](#)

Lĩnh vực sản xuất của Việt Nam tăng trưởng trở lại trong tháng Tám do một số dấu hiệu phục hồi về nhu cầu hỗ trợ sự gia tăng mới về cả số lượng đơn đặt hàng mới và sản lượng. Theo đó, các công ty đã mở rộng hoạt động mua hàng của mình, nhưng việc làm tiếp tục giảm nhẹ do các công ty chưa có kế hoạch tuyển thêm nhân viên do nhu cầu vẫn còn yếu.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 1.5

Góc nhìn Chuyên gia



Định giá carbon: Nguồn thu chưa được khai thác của Châu Á trong cuộc chiến khí hậu

Các quốc gia đang phát triển ở khu vực Châu Á và Thái Bình Dương nằm trong số những khu vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất do biến đổi khí hậu, tuy nhiên, nhiều quốc gia trong số đó có nguồn lực hạn chế để giải quyết vấn đề này. Đánh giá carbon như một loại hàng hóa và phát triển thị trường carbon chưa trưởng thành là một chiến lược quan trọng cho sự phát triển của khu vực.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.1



Động lực mới cho đầu tư của Mỹ vào Việt Nam sau khi nâng tầm quan hệ đối tác

Tiến sĩ Burkhard Schrage, giám đốc chương trình cấp cao của chương trình MBA và EMBA tại Trường Kinh doanh, RMIT Việt Nam, cho biết mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Hoa Kỳ và Việt Nam được kỳ vọng sẽ mang lại lợi ích kinh tế đa dạng cho Việt Nam, bao gồm cả việc tăng cường đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.2



Tăng vị thế cạnh tranh trong nền kinh tế toàn cầu

Làm gì để đưa Việt Nam thành trung tâm của chuỗi cung ứng toàn cầu, thu hút vốn đầu tư chất lượng và phát triển thành một cường quốc thương mại? Forbes Việt Nam ghi nhận ý kiến của đại diện các hiệp hội doanh nghiệp đầu tư nước ngoài: Ông Takeo Nakajima – trưởng văn phòng đại diện tại Hà Nội, tổ chức Xúc tiến Thương mại Nhật Bản (JETRO); ông Gabor Fluit – chủ tịch hiệp hội Doanh nghiệp châu Âu tại Việt Nam (EuroCham); và ông Hong Sun – chủ tịch hiệp hội Doanh nghiệp Hàn Quốc tại Việt Nam (KOCHAM).

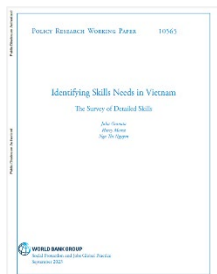


Cần kịp thời đưa ra chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp tư nhân lớn

Báo cáo Top 500 doanh nghiệp tư nhân Việt Nam (VPE500) giai đoạn 2021-2022 do Viện Chiến lược phát triển Việt Nam (VIDS) thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố mới đây cho thấy, trong số các doanh nghiệp tư nhân trong nước, doanh nghiệp lớn có khả năng chống chọi và hồi phục tốt hơn các doanh nghiệp quy mô nhỏ trong đại dịch COVID-19.

Đọc thêm về nội dung bài viết bằng tiếng Việt tại Phụ lục 2.3

Tủ sách Doanh nghiệp



Báo cáo của World Bank: Xác định nhu cầu kỹ năng ở Việt Nam: Khảo sát Kỹ năng Chi tiết

Báo cáo này mô tả một cuộc khảo sát được thiết kế nhằm thu thập thông tin toàn diện và chi tiết về các kỹ năng và nhiệm vụ cần thiết cho các nghề nghiệp ở Việt Nam. Khảo sát Kỹ năng Chi tiết là một trong những cuộc khảo sát đầu tiên thu thập thông tin về Mạng thông tin nghề nghiệp (O*NET) ở cấp độ nghề nghiệp chi tiết ở bối cảnh các quốc gia đang phát triển. Việc thu thập thông tin về các kỹ năng chi tiết có nghĩa là những kỹ năng này có thể được nhóm linh hoạt thành các nhóm khác nhau khi cần thiết (ví dụ: kỹ năng cảm xúc xã hội, kỹ năng kỹ thuật số, kỹ năng thường ngày và kỹ năng giao tiếp cá nhân).

Đọc thêm về nội dung báo cáo tại Phụ lục 3.1, và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh [tại đây](#)



Báo cáo của KPMG: Tương lai Ngành Khoa học Đời sống

Kỳ vọng của các công ty khoa học đời sống ngày nay bao gồm sự đổi mới nhanh hơn, giá thuốc minh bạch và một mục đích lớn lao hơn cả lợi nhuận. Một số công ty đang cố gắng vượt qua cơn bão kinh tế hiện nay. Tuy nhiên, các nhà lãnh đạo đang xem xét lại mô hình hoạt động của mình để đảm bảo có thể đáp ứng kỳ vọng của các bên liên quan, lường trước các mối đe dọa và tận dụng những hiểu biết sâu sắc dựa trên dữ liệu để giành chiến thắng trên thị trường. Trong báo cáo này, các chuyên gia của KPMG xem xét bốn tín hiệu chính của sự thay đổi và bốn mệnh lệnh chiến lược đại diện cho tương lai phát triển ngành khoa học đời sống.

Đọc thêm về nội dung báo cáo tại Phụ lục 3.2, và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh [tại đây](#)



Báo cáo của ADB: Triển vọng phát triển Châu Á (ADO) - Tháng 09/2023

Báo cáo cập nhật này điều chỉnh giảm nhẹ dự báo tăng trưởng của khu vực trong năm nay xuống 4,7% do tốc độ tăng trưởng chậm hơn ở Nam Á và Đông Nam Á. Trong đó, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng chậm hơn dự kiến trong nửa đầu năm 2023, do ảnh hưởng từ sụt giảm nhu cầu bên ngoài. Do tăng trưởng chậm lại ngoài dự kiến, dự báo tăng trưởng 2023 trong báo cáo ADO tháng này hạ xuống còn 5,8% (từ 6,5% trong báo cáo hồi tháng 4) và 6,0% vào năm 2024 (từ 6,8%). Lạm phát được dự đoán sẽ thấp hơn một chút so với dự báo vào tháng 4, với giá hàng hóa trong nước ổn định giúp giá tiêu dùng tăng lên 3,8% vào năm 2023 và 4,0% vào năm 2024.

Đọc thêm về nội dung báo cáo tại Phụ lục 3.3, và đọc báo cáo đầy đủ bằng tiếng Anh [tại đây](#)

Lịch sự kiện

Sự kiện	Địa điểm	Thời gian	Diễn giả/Thành phần tham dự & Ngôn ngữ	Đăng ký
VCCI: Tập huấn “Kỹ năng soạn thảo và vấn đề pháp lý của hợp đồng thương mại”	Hội trường Khách sạn Hoàng Yến, 05 An Dương Vương, Tp. Quy Nhơn	03/10/2023 Từ 08:00	Giảng viên: - Luật sư Vũ Xuân Hưng, Trưởng phòng Pháp chế và Trọng tài, VCCI Hồ Chí Minh	Tại đây
VCCI: Mời tham dự Hội thảo xúc tiến đầu tư vào thị trường Cuba	Khách sạn Novotel, Số 02 Thái Hà, Đống Đa, Hà Nội	04/10/2023 08:30-12:00	- Ông Nguyễn Quang Vinh, Phó Chủ tịch VCCI - Ông Orlando Nicolás Hernández Guillén, Đại sứ Cuba tại Việt Nam - Bà Nguyễn Thị Trang, Vụ Châu Âu, Châu Mỹ - Bộ Công Thương - Bà Irmira Perojo, Tham tán thương mại Cuba tại Việt Nam - Đại diện Công ty ViMariel – CTCP và Đại diện nhà đầu tư tại KCN Vi-Mariel	Tại đây
VCCI: Ra mắt nền tảng kết nối trực tuyến Việt Nam – Italy và kết nối doanh nghiệp	Trực tuyến	05/10/2023 Từ 15:00	Đơn vị chủ trì: - Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Cassa Depositi e Prestiti – đơn vị xúc tiến thương mại quốc gia Italy - Đại sứ quán Italy tại Việt Nam - Tổng Liên đoàn Công nghiệp Italy Ngôn ngữ: phiên dịch tiếng Việt	Tại đây
VCCI: Tập huấn “Kỹ năng tìm kiếm và khai thác thị trường xuất nhập khẩu – Các công cụ để doanh nghiệp tận dụng hiệu quả cơ hội từ các Hiệp định thương mại”	Hội trường Lầu 7 VCCI Vũng Tàu, 155 Nguyễn Thái Học, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu	05/10/2023 Từ 08:00	Diễn giả: - Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Phó Giám đốc Trung tâm hỗ trợ xuất nhập khẩu – Cục xúc tiến thương mại (Bộ Công Thương) - Ông Nguyễn Hữu Nam, Phó Giám đốc VCCI thành phố Hồ Chí Minh	Tại đây
VCCI: Hội thảo “Lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều và hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng”	Hội trường Tòa nhà VNPT, 125 Hai Bà Trưng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM	06/10/2023 08:00-11:30	Đơn vị chủ trì: - Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Lãnh đạo Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia Bộ Công Thương	Tại đây
VCCI: Tập huấn “Quản trị rủi ro Hoá đơn điện tử và thuế GTGT”	Hội trường VCCI Miền Trung Tây Nguyên, 26 Hồ Nguyễn Trưng, Hải Châu, TP. Đà Nẵng	06/10/2023 Từ 08:00	Giảng viên: - TS. Phạm Thị Thúy Hằng, Chủ tịch Hội Kế toán, Kiểm toán Tp Vinh, Giảng viên Khoa Kế toán ĐH Vinh	Tại đây
VCCI: Tọa đàm “Hướng dẫn thi hành các điều khoản của Luật Sở hữu trí tuệ mới và ảnh hưởng đến các doanh nghiệp”	Hội trường tầng 7, Tòa nhà VCCI, 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội	10/10/2023 08:00-12:00	Đơn vị chủ trì, diễn giả: - Viện Phát triển Doanh nghiệp – Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - Cục Sở hữu trí tuệ - Lãnh đạo Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam	Tại đây

VCCI: Khóa đào tạo “Xây dựng chiến lược bán lẻ – tăng doanh số thành công”	Hội trường lầu 4 VCCI HCM, 171 Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM	10/10- 11/10/2023 08:30-16:30	Giảng viên: - Thạc sỹ Nguyễn Thị Mỹ Châu, Giảng viên cao cấp Tổ chức Lao động Quốc tế (ILO) – Cơ quan của Liên Hiệp Quốc (UN), nguyên Phó Viện trưởng Viện PISHUD	Tai đây
VCCI: Mời tham dự “Inno Việt Nam-Nhật Bản Fast Track Pitch 2023”	Hà Nội	03/11/2023	Các công ty tham dự: - BECAMEX TOKYU - FPT - Fujikin - MoMo - Money Forward - VinES(VinGroup)	Tai đây
VCCI: Mời tham dự “Hội chợ hàng Xuất – Nhập Khẩu Trung Quốc Canton Fair 2023”	Quảng Châu, Trung Quốc	16/10- 19/10/2023 08:00-17:00	Đại diện các doanh nghiệp Trung Quốc thuộc các ngành hàng: Máy và thiết bị loại lớn nhỏ; Phụ tùng linh kiện xe máy, xe đạp các loại; Sản phẩm hóa chất; Máy xây dựng; Thiết bị dụng cụ điện gia dụng; Các sản phẩm điện và linh kiện điện tử; Máy tính, thiết bị viễn thông; Đèn và các thiết bị chiếu sáng; Vật liệu trang trí và xây dựng; Thiết bị phòng tắm và vệ sinh.	Tai đây
VCCI: Mời tham gia Đoàn doanh nghiệp xúc tiến thương mại tại Anh, Pháp, Bỉ	London (Anh), Paris (Pháp) và Brussels (Bỉ)	28/10- 05/11/2023	Lãnh đạo các đơn vị xúc tiến phía bạn: - Phòng thương mại London - Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ Việt Nam tại UK - Hội doanh nghiệp & doanh nhân Việt Nam tại UK - Liên minh Bỉ – Việt - Liên đoàn doanh nghiệp Bỉ - Phòng Thương mại và Công nghiệp Paris - Nghiệp đoàn giới chủ Pháp	Tai đây
KPMG: Diễn đàn “KPMG 2023 Tax and Legal Institute”	Khách sạn Sheraton, 88 Đồng Khởi, Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM	08/11/2023 13:00-17:00	Diễn giả: - Lãnh đạo, các chuyên gia thuộc Khối Tư vấn Thuế và Luật của KPMG Việt Nam	Tai đây
	Khách sạn Sheraton, K5 Nghi Tàm, 11 Xuân Diệu, Quận Tây Hồ, Hà Nội	23/11/2023 13:00-17:00	Ngôn ngữ: tiếng Anh với phiên dịch tiếng Việt	Tai đây

Theo dõi và cập nhật các sự kiện của VCCI [tại đây](#), và các sự kiện của KPMG [tại đây](#).

Trung tâm Thông tin Kinh tế (BIZIC) – Đơn vị trực thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Công ty KPMG tại Việt Nam

Bản quyền © 2010 bởi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI

© 2023 Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG, Công ty Luật TNHH KPMG, Công ty TNHH Dịch vụ KPMG, đều là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.



Tài chính, Kinh tế & Thương mại

PHỤ LỤC 1.1

Đông Nam Á dự kiến sẽ thúc đẩy nhu cầu về khí đốt tự nhiên - khu vực sẽ tiến hành 'mọi hành động'

Tiêu điểm

- Các chuyên gia chuyên ngành dự báo các nước Đông Nam Á sẽ trở thành động lực chính cho thị trường LNG trong vài năm tới.
- Thương mại khí đốt tự nhiên hóa lỏng toàn cầu tăng lên mức kỷ lục vào năm 2022, chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu tăng vọt từ châu Âu khi khu vực này thoát khỏi sự phụ thuộc vào đường ống của Nga sau khi Moscow xâm chiếm Ukraine.
- “Tôi nghĩ đây là nơi mà mọi hành động sẽ thực sự diễn ra: khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là Việt Nam, Thái Lan, Indonesia,” Tony Regan của NexantECA đánh giá.

Việt Nam là một điểm sáng cho thị trường LNG, Regan dự báo nhu cầu từ nước này sẽ tăng trưởng mạnh trong vài năm tới phần lớn là do Quy hoạch Điện 8 của chính phủ. Kế hoạch quy định tất cả các nhà máy than phải được chuyển đổi sang nhiên liệu thay thế hoặc ngừng hoạt động. vào năm 2050.

“Nhu cầu tăng trưởng rất mạnh trong vài năm tới, bởi vì 13 trong số các nhà máy điện mới được đề xuất trong kế hoạch sẽ sử dụng khí LNG và sau đó 10 nhà máy khác cũng sử dụng khí đốt. Vì vậy, điều đó sẽ tạo ra sức hút mạnh mẽ về năng lượng từ Việt Nam,” Regan nói.

Trung tâm Chính sách Năng lượng Toàn cầu của Đại học Columbia cho biết, Việt Nam từ lâu đã được coi là thị trường tăng trưởng LNG quan trọng do “tăng trưởng dân số và kinh tế mạnh mẽ”. Sự tăng trưởng đó dự kiến sẽ thúc đẩy nhu cầu năng lượng.

S&P Global ước tính GDP của Việt Nam sẽ tăng từ 327 tỷ USD vào năm 2022 lên 760 tỷ USD vào năm 2030.

Theo dự báo của công ty phân tích và tư vấn Mordor Intelligence, thị trường LNG toàn cầu được dự đoán sẽ tăng từ 74,60 tỷ USD vào năm 2023 lên 103,41 tỷ USD vào năm 2028.

Công ty năng lượng khổng lồ Shell cho biết họ đã chứng kiến “sự tăng trưởng vượt bậc” trên thị trường LNG trong hai tháng qua và nhấn mạnh ba quốc gia sẽ là động lực chính, hai trong số đó đến từ Đông Nam Á.

Phó chủ tịch điều hành của Shell Energy, Steve Hill cho biết tại hội nghị Gastech gần đây được tổ chức tại Singapore: “Chúng tôi đã cung cấp cho ba quốc gia mới là Đức, Việt Nam và Philippines và tất cả đều là những thị trường LNG tiềm năng rất quan trọng”.

Hill cho biết: “Các thị trường này đã phá vỡ thách thức trong việc thực hiện nhập khẩu LNG và hiện có tiềm năng tăng trưởng lớn này”, đồng thời nhấn mạnh rằng các quốc gia này gần đây đã nhận được lô hàng đầu tiên, củng cố thêm nhiều tiến bộ cho tham vọng LNG của họ.

Tương tự như vậy, S&P Global chia sẻ sự lạc quan rằng Đông Nam Á sẵn sàng trở thành thị trường hàng đầu cho khí đốt tự nhiên LNG.

Zhi Xin Chong, người đứng đầu các thị trường khí đốt và LNG tại Châu Á mới nổi của S&P Global cho biết: “Đến năm 2033, nhu cầu LNG ở Đông Nam Á được dự báo là 73 triệu tấn mỗi năm, chiếm 12% thị trường LNG toàn cầu”. Theo dữ liệu do công ty phân tích cung cấp, điều đó sẽ đánh dấu nhu cầu tăng gần gấp bốn lần so với năm 2022.

Chong nói với CNBC rằng nguồn cung khí đốt trong nước tiếp tục sụt giảm, cùng với việc chuyển từ than sang khí đốt trong ngành điện, sẽ là động lực chính cho câu chuyện tăng trưởng.

Ông nói: “Các thị trường lớn nhất có thể là Thái Lan, Malaysia, Indonesia và Singapore, vì các thị trường này đã nhập khẩu LNG trong nhiều năm”.

Tuy nhiên, ông cảnh báo rằng nhu cầu tại các thị trường này vẫn còn yếu và phụ thuộc vào giá cả ổn định.

Chong cho biết: “Điều quan trọng là giá LNG vẫn ổn định và nguồn tài trợ toàn cầu sắp được cung cấp để tài trợ cho cơ sở hạ tầng cần thiết”.

PHỤ LỤC 1.2

Tăng trưởng năng lượng sạch khởi mở tiềm năng kiềm chế sự nóng lên 1,5°C trên toàn cầu

Báo cáo cập nhật Net Zero Roadmap mang tính bước ngoặt của IEA cho thấy tham vọng và việc triển khai lớn hơn, được hỗ trợ bởi sự hợp tác quốc tế mạnh mẽ hơn, sẽ rất quan trọng để đạt được các mục tiêu về khí hậu.

Theo một ấn bản mới của Báo cáo, việc giảm lượng phát thải khí nhà kính từ ngành năng lượng của thế giới xuống mức 0 và hạn chế sự nóng lên toàn cầu ở mức 1,5°C vẫn có thể thực hiện được do sự tăng trưởng kỷ lục của các công nghệ năng lượng sạch quan trọng, mặc dù động lực cần phải tăng nhanh ở nhiều lĩnh vực. Lộ trình Net Zero mang tính bước ngoặt của IEA.

Lộ trình mới đặt ra lộ trình toàn cầu để duy trì mục tiêu 1,5 °C trong tầm tay, cung cấp bản cập nhật toàn diện cho báo cáo ban đầu mang tính đột phá được xuất bản vào năm 2021 và đóng vai trò là chuẩn mực thiết yếu cho các nhà hoạch định chính sách, ngành công nghiệp, khu vực tài chính và dân sự. xã hội. Bản cập nhật năm 2023 kết hợp những thay đổi đáng kể về bối cảnh năng lượng trong hai năm qua, bao gồm sự phục hồi kinh tế sau đại dịch và sự tăng trưởng vượt bậc trong một số công nghệ năng lượng sạch – đồng thời cũng tăng cường đầu tư vào nhiên liệu hóa thạch và lượng khí thải cao dai dẳng.

Kể từ năm 2021, mức tăng trưởng kỷ lục về công suất năng lượng mặt trời và doanh số bán ô tô điện phù hợp với lộ trình hướng tới mức phát thải ròng bằng 0 trên toàn cầu vào giữa thế kỷ, cũng như các kế hoạch của ngành nhằm triển khai năng lực sản xuất mới cho chúng. Điều này rất quan trọng vì chỉ riêng hai công nghệ này đã mang lại 1/3 mức giảm phát thải từ nay đến năm 2030 theo lộ trình. Đổi mới năng lượng sạch cũng mang lại nhiều lựa chọn hơn và giảm chi phí công nghệ. Trong Lộ trình ban đầu của IEA vào năm 2021, các công nghệ chưa có trên thị trường đã mang lại gần một nửa mức giảm phát thải cần thiết để đạt mức 0 vào năm 2050. Con số đó hiện đã giảm xuống khoảng 35% trong cập nhật năm nay.

Tuy nhiên, hành động quyết liệt hơn là cần thiết trong thập kỷ này. Trong lộ trình phát thải ròng bằng 0 được cập nhật năm nay, công suất năng lượng tái tạo toàn cầu sẽ tăng gấp ba lần vào năm 2030. Trong khi đó, tốc độ cải thiện hiệu quả sử dụng năng lượng hàng năm tăng gấp đôi, doanh số bán xe điện và máy bơm nhiệt tăng mạnh và lượng khí thải mêtan trong ngành năng lượng giảm 75%. Những chiến lược này, dựa trên các công nghệ đã được chứng minh và thường có hiệu quả về mặt chi phí để giảm lượng khí thải, cùng nhau mang lại hơn 80% mức cắt giảm cần thiết vào cuối thập kỷ này.

“Việc duy trì mục tiêu hạn chế sự nóng lên toàn cầu ở mức 1,5°C đòi hỏi thế giới phải nhanh chóng hợp tác với nhau. Tin tốt là chúng ta biết mình cần phải làm gì – và làm như thế nào. Giám đốc điều hành IEA Fatih Birol cho biết Lộ trình Net Zero năm 2023 của chúng tôi, dựa trên dữ liệu và phân tích mới nhất, cho thấy một con đường phía trước. “Nhưng chúng tôi cũng có một thông điệp rất rõ ràng: Hợp tác quốc tế mạnh mẽ là yếu tố quyết định thành công. Các chính phủ cần tách biệt khí hậu khỏi địa chính trị, dựa trên quy mô của thách thức trước mắt.”

Lộ trình vạch ra lộ trình đạt mức phát thải ròng bằng 0 cho ngành năng lượng toàn cầu vào năm 2050 nhưng thừa nhận tầm quan trọng của việc thúc đẩy quá trình chuyển đổi công bằng có tính đến các hoàn cảnh khác nhau của các quốc gia. Ví dụ, các nền kinh tế tiên tiến đạt mức 0 ròng sớm hơn để cho phép các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển có thêm thời gian. Và lộ trình số 0 ròng sẽ giúp tất cả mọi người tiếp cận đầy đủ các dạng năng lượng hiện đại vào năm 2030 thông qua khoản đầu tư hàng năm gần 45 tỷ USD mỗi năm – chỉ bằng hơn 1% đầu tư vào ngành năng lượng.

Tuy nhiên, đi đúng hướng có nghĩa là hầu hết tất cả các quốc gia đều phải tiến tới ngày số 0 ròng như mục tiêu của mình. Nó cũng xoay quanh việc huy động sự gia tăng đáng kể đầu tư, đặc biệt là ở các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Trong lộ trình số 0 mới, chi tiêu năng lượng sạch toàn cầu tăng từ 1,8 nghìn tỷ USD vào năm 2023 lên 4,5 nghìn tỷ USD hàng năm vào đầu những năm 2030.

Trong kịch bản cập nhật về phát thải ròng bằng 0, việc tăng cường công suất năng lượng sạch theo hướng chính sách sẽ khiến nhu cầu nhiên liệu hóa thạch giảm 25% vào năm 2030, giảm lượng khí thải 35% so với mức cao nhất mọi thời đại được ghi nhận vào năm 2022. Đến năm 2050, nhu cầu nhiên liệu hóa thạch giảm 80%. Kết quả là không cần có dự án dầu khí thượng nguồn mới có thời gian thực hiện lâu dài. Cả các mỏ than mới, mỏ mở rộng hay nhà máy than mới chưa suy giảm. Tuy nhiên, cần tiếp tục đầu tư vào một số tài sản dầu khí hiện có và các dự án đã được phê duyệt. Sắp xếp trình tự việc tăng đầu tư vào năng lượng sạch và giảm đầu tư vào nguồn cung cấp nhiên liệu hóa thạch là rất quan trọng nếu muốn tránh tình trạng tăng giá đột biến hoặc dư thừa nguồn cung.

Theo báo cáo, chuỗi cung ứng linh hoạt và đa dạng hơn cho các công nghệ năng lượng sạch và các khoáng chất quan trọng cần thiết để tạo ra chúng là chìa khóa để xây dựng một ngành năng lượng với lượng khí thải ròng bằng 0. Tuy nhiên, điều quan trọng không kém là chuỗi cung ứng vẫn mở, xét đến tốc độ và phạm vi phát triển năng lượng sạch cần thiết.

Báo cáo nhấn mạnh tầm quan trọng của sự hợp tác quốc tế mạnh mẽ hơn nhằm hạn chế sự nóng lên toàn cầu ở mức 1,5°C. Báo cáo cảnh báo rằng việc không đẩy mạnh tham vọng và thực hiện đầy đủ từ nay đến năm 2030 sẽ tạo ra thêm rủi ro về khí hậu và khiến việc đạt được mục tiêu 1,5°C phụ thuộc vào việc triển khai rộng rãi các công nghệ loại bỏ carbon, vốn rất tốn kém.

PHỤ LỤC 1.3 Tác động của Chiến lược Dệt may Bền vững và Tuần hoàn của EU đối với Việt Nam

Vào tháng 3 năm 2022, Liên minh Châu Âu đã thông qua Chiến lược về Dệt may Bền vững và Tuần hoàn. Nhận thức được chi phí môi trường to lớn khi tiêu thụ quần áo và hàng may mặc ở EU, chiến lược này bao gồm một loạt các quy định về môi trường nhằm giảm thiểu những chi phí đó.

Tuy nhiên, đáng chú ý là một lượng lớn quần áo và hàng may mặc được tiêu thụ ở EU đến từ các thị trường mới nổi như Việt Nam. Ví dụ, các thương hiệu lớn của châu Âu như Adidas và H&M đều có một số nhà máy ở quốc gia Đông Nam Á mới nổi này.

Dưới góc độ này, Vietnam Briefing xem xét chi tiết về chiến lược mới này và những tác động có thể có đối với các nhà sản xuất dệt may tại Việt Nam.

Chiến lược của EU về Dệt may Bền vững và Tuần hoàn là gì?

Chiến lược của EU về Dệt may Bền vững và Tuần hoàn (EUSST) là kế hoạch chi tiết nền tảng cho quá trình chuyển đổi sang tiêu dùng quần áo và trang phục bền vững hơn của các quốc gia thành viên Liên minh Châu Âu.

Chiến lược phác thảo các nguyên lý cốt lõi của quá trình chuyển đổi, bao gồm:

- Hàng dệt may được bán trong EU phải có thể sửa chữa, tái chế và bền; được làm bằng vật liệu tái chế nếu có thể, không có chất độc hại và được sản xuất dựa trên nguyên tắc tôn trọng môi trường và các quyền xã hội.
- 'Thời trang nhanh' không còn khả thi nữa và người tiêu dùng sẽ được hưởng lợi lâu hơn từ hàng dệt may chất lượng cao và giá cả phải chăng thay vì rẻ và nhanh.
- Các dịch vụ dành riêng cho việc tái sử dụng và sửa chữa quần áo được cung cấp rộng rãi và mang lại lợi nhuận.
- Ngành sản xuất hàng may mặc phải có khả năng phục hồi, đổi mới và cạnh tranh.
- Các nhà sản xuất phải chịu trách nhiệm về những gì họ sản xuất và chuỗi giá trị họ sử dụng để sản xuất chúng, bao gồm cả việc đảm bảo họ có đủ năng lực để tái chế và đảm bảo rằng chỉ một lượng quần áo dư thừa được đốt hoặc đi đến bãi chôn lấp.

Chiến lược sẽ đảm bảo những nguyên lý này được đáp ứng như thế nào?

EU đã vạch ra một số hành động sẽ thực hiện để đạt được các mục tiêu của mình. Bao gồm:

- Đưa ra các yêu cầu thiết kế nhằm đảm bảo hàng dệt may bền lâu hơn, việc sửa chữa chúng dễ dàng hơn và chúng dễ tái chế hơn. Cũng sẽ có các quy định về số lượng nội dung tái chế mà họ nên đưa vào.
- Cắt giảm tình trạng tiêu thụ quá mức và sản xuất thừa bằng cách ngăn cản việc tiêu hủy các mặt hàng dệt may bị trả lại hoặc không bán được.
- Giải quyết vấn đề phát thải hạt vi nhựa từ hàng dệt tổng hợp vào môi trường.
- Trao quyền cho người tiêu dùng để xác định xu hướng rửa xanh và nâng cao nhận thức về thời trang bền vững.
- Giới thiệu các quy tắc Trách nhiệm của Nhà sản xuất Mở rộng để đảm bảo chi phí của một mặt hàng tại điểm bán bao gồm tất cả các chi phí môi trường do mặt hàng đó tạo ra trong suốt vòng đời của nó.
- Cung cấp cho các nhà sản xuất những ưu đãi để đảm bảo quy trình sản xuất của họ được bền vững.
- Thúc đẩy cách tiếp cận toàn cầu đối với hàng dệt may bền vững và hạn chế xuất khẩu chất thải dệt may.
- Tạo động lực cho doanh nghiệp chuyển đổi sang mô hình kinh doanh tuần hoàn.

Chỉ thị khung về chất thải là gì?

Chỉ thị khung về chất thải tạo thành nền tảng cho chiến lược của EU nhằm giảm khối lượng chất thải mà khu vực này tạo ra và tăng khối lượng chất thải mà khu vực này tái chế. Bản sửa đổi chỉ thị năm 2023 đã được đề xuất đặc biệt nhắm vào ngành dệt may. Mặc dù nó đặc biệt nhắm mục tiêu phân loại và tái chế hàng dệt may ở EU, nhưng điều này có thể có tác động lan truyền ở chỗ nó có thể làm giảm nhu cầu, đặc biệt đối với các sản phẩm hoàn toàn mới, từ các địa điểm sản xuất dệt may lớn như Việt Nam.

Thành phần quan trọng thứ hai của chỉ thị sẽ yêu cầu giám sát chặt chẽ hơn các vật liệu tái chế xuất khẩu. Bản sửa đổi lưu ý rằng chất thải đôi khi được xuất khẩu từ EU dưới vỏ bọc là vật liệu có thể tái chế nhưng thực tế không phải vậy. Bản sửa đổi này sẽ giúp hoạt động này được kiểm soát tốt hơn và cung cấp các rào chắn bảo vệ rõ ràng để đảm bảo các vật liệu được vận chuyển ra nước ngoài để được tái chế, trên thực tế là được tái chế. Trong bối cảnh này, các nhà sản xuất quần áo ở Việt Nam sử dụng vật liệu tái chế có thể bị giám sát chặt chẽ hơn.

Điều này có ý nghĩa gì đối với Việt Nam?

Việt Nam đã trở thành một nước đóng vai trò quan trọng trong lĩnh vực dệt may toàn cầu. Năm 2022, quốc gia Đông Nam Á đang phát triển này đã xuất khẩu hàng may mặc và các sản phẩm dệt may trị giá 37,6 tỷ USD đi khắp thế giới. Trong số hàng xuất khẩu đó, trị giá 5,4 tỷ euro (5,8 tỷ USD) đã đến Liên minh châu Âu.

Điều này một phần là do sự tham gia ngày càng tăng giữa khối và Việt Nam nhờ Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam-Liên minh Châu Âu (EVFTA). Tuy nhiên, kể từ khi thành lập, ASEAN đã chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ trong thương mại hai chiều nhưng cũng ngày càng phụ thuộc nhiều hơn vào EU với tư cách là khách hàng chính của hàng hóa Việt Nam. Trong bối cảnh đó, khi các quy định mới này được thực thi, những tác động có thể lớn hơn đối với doanh nghiệp Việt Nam so với trước đây.

Trong khoảng một năm trở lại đây, ngành dệt may Việt Nam đã gặp khó khăn do nhu cầu sụt giảm tại các thị trường xuất khẩu trọng điểm như EU và Mỹ. Điều này đã tạo ra một môi trường đầy thách thức, trong đó các dự báo tăng trưởng được đưa ra vào đầu năm ngày càng khó đạt được.

Điều đó không có nghĩa là chính sách này sẽ không mang lại lợi ích cho Việt Nam theo những cách khác. Thực hành sản xuất xanh chỉ có thể góp phần cải thiện môi trường địa phương và chất lượng cuộc sống của người dân Việt Nam. Họ cũng có thể tạo ra dây chuyền sản xuất mới và cơ hội kinh doanh bền vững, mở ra triển vọng cho đầu tư nước ngoài.

Hơn nữa, EU có thể chỉ là động lực đầu tiên trong việc gây áp lực cho các đối tác thương mại của mình để sản xuất theo hướng xanh và bền vững. Trong tương lai, khi người tiêu dùng trên toàn thế giới ngày càng có ý thức hơn về môi trường, những loại chính sách này có thể xuất hiện ở các thị trường khác—chẳng hạn như Hoa Kỳ, thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam. Việc chuyển ngay bây giờ để đáp ứng yêu cầu của EU có thể giúp Việt Nam chuẩn bị tốt hơn trong trường hợp các thị trường khác ban hành chính sách tương tự.

PHỤ LỤC 1.4

Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN

Quy tắc xuất xứ áp dụng tại Việt Nam theo yêu cầu của ATIGA như thế nào

Tại Hội nghị Bộ trưởng Kinh tế ASEAN lần thứ 55 tổ chức tại Indonesia vào tháng 8 năm 2023, các bộ trưởng đã dành thời gian thảo luận về việc tăng cường Hiệp định Thương mại Hàng hóa ASEAN (ATIGA) và giải quyết các vấn đề triển khai lâu dài.

ATIGA có tầm quan trọng đáng kể trong việc tạo thuận lợi cho thương mại hàng hóa thương mại và đã thu hút được sự quan tâm đáng kể của các nước trong khối.

Để hiểu biết toàn diện về việc thực thi quy tắc xuất xứ (ROO) trong ATIGA của Việt Nam và xác định những thay đổi đáng chú ý, Vietnam Briefing phân tích các thông tư chính dưới đây.

Quy định thực hiện

Thông tư số 22/2016/TT-BCT, số 19/2020/TT-BCT và số 10/2022/TT-BCT cùng nhau hướng dẫn toàn diện việc áp dụng quy tắc xuất xứ tại Việt Nam để quản lý hoạt động thương mại theo Hiệp định ATIGA của ASEAN.

Các thông tư này phác thảo các thủ tục, yêu cầu và tài liệu cần thiết để xác định xuất xứ hàng hóa và yêu cầu ưu đãi thuế trong khu vực ASEAN. Bằng cách tham khảo các thông tư này, các bên liên quan có thể hiểu rõ hơn về quá trình thực hiện ROO của Việt Nam và xác định bất kỳ thay đổi hoặc cập nhật quan trọng nào trong quy trình.

Quy tắc này áp dụng cho những đối tượng nào?

Theo Thông tư số 19/2020/TT-BCT sửa đổi, điều này áp dụng đối với thương nhân thực hiện xuất nhập khẩu hàng hóa với các nước là thành viên ATIGA, cũng như các nước thành viên ASEAN đã thực hiện Tự -Cơ chế chứng nhận (AWSC).

Bằng cách bao gồm những bên tham gia này, thông tư đảm bảo rằng các quy tắc xuất xứ được thực hiện, giám sát và thực thi một cách hiệu quả bởi các bên liên quan hoạt động trong khu vực ASEAN.

Doanh nghiệp cần biết gì về Thông tư này?

Hàng hóa nào được coi là có xuất xứ?

Có hai trường hợp trong đó hàng hóa có thể được coi là hàng hóa có xuất xứ và do đó đủ điều kiện hưởng các ưu đãi gắn liền với ATIGA ROO.

- Trường hợp 1: Đối với hàng hóa được sản xuất hoặc có thể thu hoạch toàn bộ

Hàng hóa phải được sản xuất hoặc sản xuất hoàn toàn tại quốc gia thành viên xuất khẩu. Điều này có nghĩa là hàng hóa phải được sản xuất, nuôi trồng hoặc chế biến trong biên giới nước xuất khẩu.

- Trường hợp 2: Đối với hàng hóa không được sản xuất hoặc thu hoạch toàn bộ

Trong kịch bản này, hàng hóa phải đáp ứng tiêu chí có “Hàm lượng giá trị ASEAN” hoặc “Hàm lượng giá trị khu vực (RVC)” không dưới 40%.

Yêu cầu này đảm bảo rằng một phần đáng kể giá trị gia tăng của hàng hóa diễn ra trong khu vực ASEAN.

Nhà xuất khẩu cần lưu ý điều gì?

- Thời hạn

Nhà xuất khẩu cần lưu ý rằng các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa có thời hạn hiệu lực là 12 ngày. Do đó, điều quan trọng là nhà xuất khẩu phải tuân thủ khung thời gian này và gửi lại các chứng từ này cho cơ quan hải quan của nước thành viên nhập khẩu trong khoảng thời gian quy định. Không làm như vậy có thể dẫn đến những rắc rối trong quá trình thông quan.

- Miễn thuế đối với hàng hóa có giá trị thấp

Về yêu cầu chứng từ, nhà xuất khẩu cần lưu ý miễn trừ đối với hàng hóa có giá trị dưới 200 USD. Sự miễn trừ này nhằm mục đích hợp lý hóa và đơn giản hóa quy trình xuất khẩu đối với hàng hóa có giá trị thấp, giảm gánh nặng hành chính và tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại hiệu quả.

Kết luận

Việc thực thi ATIGA đã khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam tiếp cận nhiều người tiêu dùng nước ngoài hơn với các ưu đãi về thuế nhưng đặt ra những thách thức đòi hỏi sự hiểu biết rõ ràng về các thông tư và quy định. Để tận dụng tối đa những lợi ích này, các doanh nghiệp phải tìm hiểu những điểm phức tạp của hiệp định, đồng thời luôn cập nhật thông tin về các chính sách thương mại đang phát triển và đảm bảo tuân thủ. Điều này trở nên quan trọng vì các thị trường điểm đến cũng tăng cường giám sát khả năng lạm dụng các ưu đãi liên quan đến ROO để tiếp cận các kênh thương mại rộng hơn.

PHỤ LỤC 1.5

Chỉ số PMI Việt Nam: Số lượng đơn đặt hàng mới tăng lần đầu tiên kể từ tháng Hai

Những điểm chính

- Gia tăng sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới
- Việc làm tiếp tục giảm nhẹ
- Chi phí đầu vào và giá đầu ra tăng

Lĩnh vực sản xuất của Việt Nam tăng trưởng trở lại trong tháng 8 do một số dấu hiệu phục hồi về nhu cầu hỗ trợ sự gia tăng mới về cả số lượng đơn đặt hàng mới và sản lượng. Theo đó, các công ty đã mở rộng hoạt động mua hàng của mình, nhưng việc làm tiếp tục giảm nhẹ do các công ty không muốn tuyển thêm nhân viên do nhu cầu vẫn còn yếu.

Mức tăng giá mới cũng được ghi nhận vào giữa quý 3. Chi phí đầu vào tăng lần đầu tiên sau 4 tháng, trong khi lạm phát giá bán lần đầu tiên được báo hiệu kể từ tháng 3.

Chỉ số Nhà quản lý Mua hàng Sản xuất™ (PMI®) của S&P Global Việt Nam đã quay trở lại trên mốc 50,0 lần đầu tiên sau sáu tháng vào tháng 8. Ở mức 50,5, chỉ số này tăng từ mức 48,7 trong tháng 7 và cho thấy điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực này được cải thiện nhẹ hàng tháng.

Sự phục hồi non trẻ về sức khỏe của ngành phản ánh những dấu hiệu dự kiến về nhu cầu đang cải thiện. Các nhà sản xuất ghi nhận số lượng đơn đặt hàng mới tăng lần đầu tiên trong sáu tháng, trong khi hoạt động kinh doanh xuất khẩu mới cũng tăng sau chuỗi 5 tháng sụt giảm. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng còn khiêm tốn trong bối cảnh có một số báo cáo về nhu cầu yếu kém đang diễn ra.

Tương tự, sản xuất chế tạo tăng trưởng trở lại trong tháng 8, chấm dứt giai đoạn sản lượng giảm kéo dài 5 tháng. Tuy nhiên, tốc độ tăng chỉ ở mức nhẹ. Sự phục hồi về sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới được thể hiện rõ nhất ở danh mục hàng hóa đầu tư.

Các công ty phản ứng trước số lượng đơn đặt hàng mới cao hơn và yêu cầu sản lượng lớn hơn bằng cách mở rộng hoạt động mua hàng với tốc độ ổn định. Đây là lần tăng đầu tiên trong sáu tháng và rõ rệt nhất kể từ tháng 9 năm 2022. Ngược lại, lượng hàng tồn kho cũng tăng, đây là tháng thứ hai xảy ra trường hợp này.

Tuy nhiên, bức tranh về việc làm kém tích cực hơn khi các công ty vẫn do dự trong việc cam kết tuyển dụng thêm nhân viên và do đó chứng kiến số lượng lực lượng lao động giảm tháng thứ sáu liên tiếp. Điều đó nói lên rằng, tốc độ giảm là yếu nhất trong chuỗi này và chỉ ở mức cận biên.

Việc cắt giảm việc làm liên tục phản ánh các dấu hiệu tiếp tục về năng lực dư thừa trong lĩnh vực này, với lượng công việc tồn đọng giảm trong tháng thứ tám liên tiếp. Các công ty cũng ghi nhận tồn kho thành phẩm tăng tháng thứ hai liên tiếp trong bối cảnh một số báo cáo cho rằng nhu cầu yếu khiến thành phẩm không bán được.

Dữ liệu tháng 8 cho thấy giá dầu vào tăng mạnh, qua đó chấm dứt thời kỳ giảm kéo dài 3 tháng. Một số thành viên tham gia hội thảo cho rằng chi phí đầu vào cao hơn có liên quan đến giá dầu tăng, đồng thời giá thực phẩm tăng cũng được đề cập. Ngược lại, các doanh nghiệp cũng tự nâng giá bán sản phẩm của mình lên dù chỉ một chút. Đây là lần tăng giá đầu tiên kể từ tháng 3.

Thời gian giao hàng của các nhà cung cấp được rút ngắn tháng thứ tám liên tiếp do tồn kho tại các nhà cung cấp vẫn đủ để đáp ứng các đơn đặt hàng mặc dù nhu cầu đầu vào tăng trong tháng 8. Sự cải thiện về hiệu quả hoạt động của nhà cung cấp là chắc chắn, mặc dù được đánh dấu ít nhất kể từ tháng 5.

Những cải thiện tạm thời về nhu cầu thị trường đã giúp củng cố niềm tin kinh doanh vào giữa quý 3, khiến các công ty hy vọng sự phục hồi tiếp tục trong những tháng tới. Sự lạc quan về triển vọng sản xuất trong 12 tháng là cao nhất trong 5 tháng, nhưng vẫn dưới mức trung bình trong bối cảnh những lo ngại đang diễn ra xung quanh sức mạnh của nhu cầu.

Góc nhìn Chuyên gia

PHỤ LỤC 2.1

Định giá carbon: Nguồn thu chưa được khai thác của Châu Á trong cuộc chiến khí hậu

Các quốc gia đang phát triển ở khu vực Châu Á và Thái Bình Dương nằm trong số những khu vực bị ảnh hưởng nặng nề nhất do biến đổi khí hậu, tuy nhiên, nhiều quốc gia trong số đó có nguồn lực hạn chế để giải quyết vấn đề này. Đánh giá carbon như một loại hàng hóa và phát triển thị trường carbon chưa trưởng thành là một chiến lược quan trọng cho sự phát triển của khu vực.

Biến đổi khí hậu đang tác động nặng nề đến các nước đang phát triển ở châu Á và các quốc gia này thường thiếu nguồn lực để giải quyết vấn đề một cách hiệu quả. Nhưng có một cách để thay đổi điều này: bằng cách coi carbon là một mặt hàng có thể bán được và tham gia vào thị trường carbon đang phát triển.

Quá trình này bắt đầu với việc định giá carbon. Nói một cách đơn giản, định giá carbon cũng giống như việc dán mác giá cho những chất gây ô nhiễm. Đó là cách khiến các doanh nghiệp phải suy nghĩ kỹ trước khi phát thải ra các khí độc hại. Châu Âu và Bắc Mỹ đang thực hiện quá trình này và Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa cũng đã tham gia.

Đây là thời điểm tuyệt vời để các nước đang phát triển ở châu Á tham gia vào thị trường carbon toàn cầu.

Tại châu Âu, cái giá phải trả để phát thải một tấn carbon đạt mức kỷ lục 99 euro vào tháng 8 năm 2022. Singapore có thuế carbon khoảng 17 euro. Mức giá cao này là cần thiết để kiểm soát sự nóng lên toàn cầu, như đã nêu trong Thỏa thuận Paris.

Một quy định nữa đang bắt đầu được áp dụng là thuế biên giới carbon. Để đảm bảo các doanh nghiệp không chuyển nguồn phát thải đi nơi khác, Liên minh Châu Âu đang đưa ra một quy định mới. Các nhà nhập khẩu sẽ phải mua giấy chứng nhận phù hợp với giá carbon của Liên minh châu Âu, khiến việc gây ô nhiễm trở nên tốn kém hơn. Các nước đang phát triển có thể kiếm được doanh thu có giá trị bằng cách tham gia chương trình này thông qua việc bán các chứng chỉ này.

Để kiểm soát sự nóng lên toàn cầu, giá carbon cần phải đạt tới mức từ 50 đến 100 USD/tấn vào năm 2030. Một số chuyên gia thậm chí còn cho rằng cần phải đề ra mức giá cao hơn để đạt lượng phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Điều này cho thấy giá carbon trên thị trường sẽ tăng trong những năm tới, và đây là động lực khuyến khích các nước đang phát triển ở châu Á tham gia.

Việc thị trường carbon phát triển sôi động không có nghĩa là các quốc gia buộc phải đi theo một con đường cụ thể hướng tới quá trình khử cacbon. Theo Thỏa thuận Paris, các quốc gia có thể lựa chọn dự án giảm phát thải của riêng mình. Sự linh hoạt này có thể dẫn đến các loại tín dụng và giá carbon khác nhau, mang lại nhiều cơ hội hơn cho các nước đang phát triển.

Để tận dụng tối đa cơ hội này, các nước đang phát triển ở Châu Á và Thái Bình Dương cần nhận thức được carbon là tài sản quý giá. Và để bán nó, các quốc gia cần chứng minh rằng họ thực sự đã giảm lượng khí thải. ADB và các tổ chức khác có thể hỗ trợ việc bán khí carbon và xác minh rằng tín dụng carbon là hợp pháp, giúp việc bán chúng dễ dàng hơn.

Hiện tại, có hai loại thị trường carbon: một loại dành cho các công ty đang hướng tới phát triển bền vững (trị giá 2 tỷ USD vào năm 2021) và một loại do chính phủ thực thi (trị giá 751 tỷ USD vào năm 2021). Bằng cách kết nối các thị trường này lại với nhau, các nước đang phát triển có thể được hưởng lợi nhiều hơn.

Biến đổi khí hậu sẽ không chờ một ai. Các quy định mới sẽ liên tục được đưa ra và các quốc gia cần phải theo kịp. Bằng cách hợp tác với các tổ chức quốc tế, các nước đang phát triển có thể dẫn đầu cuộc chơi và tận dụng tối đa thị trường carbon. Đây là cơ hội tốt để các quốc gia này chống lại biến đổi khí hậu đồng thời thúc đẩy nền kinh tế của họ.

PHỤ LỤC 2.2

Động lực mới cho đầu tư của Mỹ vào Việt Nam sau khi nâng tầm quan hệ đối tác

Tiến sĩ Burkhard Schrage, giám đốc chương trình cấp cao của chương trình MBA và EMBA tại Trường Kinh doanh, RMIT Việt Nam, cho biết mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện giữa Hoa Kỳ và Việt Nam được kỳ vọng sẽ mang lại lợi ích kinh tế đa dạng cho Việt Nam, bao gồm cả việc tăng cường đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Trong chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Hoa Kỳ Joe Biden vào ngày 10 tháng 9 năm 2023, lãnh đạo hai nước đã chính thức nâng quan hệ Hoa Kỳ-Việt Nam lên tầm đối tác chiến lược toàn diện.

Việc nâng tầm quan hệ song phương dự kiến sẽ mang lại nhiều lợi ích kinh tế cho Việt Nam, trong đó đáng chú ý nhất là tăng đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), mở rộng thương mại, chuyển giao công nghệ, đa dạng hóa chuỗi cung ứng, cải thiện cơ sở hạ tầng thông qua đầu tư của Hoa Kỳ và hợp tác phát triển bền vững.

Khía cạnh kinh tế của quan hệ đối tác chiến lược toàn diện được bổ sung cùng với nhiều lĩnh vực được tăng cường hợp tác khác, bao gồm ngoại giao, khoa học, văn hóa và giáo dục.

Động lực mới cho đầu tư của Hoa Kỳ vào Việt Nam

Nền kinh tế Hoa Kỳ dựa trên sự đổi mới và được nhiều người coi là quốc gia đi đầu trong các ngành công nghệ cao. Vì vậy, Hoa Kỳ là đối tác phù hợp khi đề cập đến tham vọng của Việt Nam trở thành quốc gia có thu nhập cao vào năm 2050 thông qua việc thay thế các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng thấp bằng các ngành công nghệ cao và giá trị gia tăng cao.

Sau thông báo về việc nâng cấp quan hệ hai nước, các giám đốc điều hành cấp cao của Google, Intel, Amkor, Marvell, GlobalFoundries và Boeing đã tham gia Hội nghị thượng đỉnh đầu tư và đổi mới Hoa Kỳ-Việt Nam. Hội nghị bàn tròn kinh doanh còn có sự tham dự của lãnh đạo nhiều công ty lớn của Việt Nam.

Những thông báo quan trọng đầu tiên về hợp tác và FDI gắn với quan hệ đối tác chiến lược toàn diện đã được công bố. Nvidia và Microsoft sẽ khởi động các dự án AI lớn tại Việt Nam. Trong khi đó Tập đoàn Synopsys và Marvell có trụ sở tại California đã công bố xây dựng trung tâm thiết kế chất bán dẫn tại Thành phố Hồ Chí Minh. Chính phủ Hoa Kỳ và Việt Nam cũng đã triển khai các sáng kiến phát triển lực lượng lao động cho ngành bán dẫn, trong đó chính phủ Hoa Kỳ sẽ tài trợ ban đầu 2 triệu USD.

Điểm thú vị là FDI từ Hoa Kỳ vào Việt Nam từ trước đến nay luôn ở mức tương đối thấp so với tiềm lực kinh tế của Hoa Kỳ. Nhưng có thể nguyên nhân là do các công ty Hoa Kỳ thường thực hiện đầu tư FDI thông qua các công ty con ở nước ngoài hoặc hướng dẫn các nhà cung cấp của họ đa dạng hóa chuỗi cung ứng, chẳng hạn như việc Foxconn, nhà cung cấp chính của Apple, đầu tư tại Việt Nam.

Nói như vậy, Việt Nam có thể mong đợi sự gia tăng FDI của các công ty Hoa Kỳ sau hiệp định này. Việc chính phủ của họ tăng cường hỗ trợ các công ty Hoa Kỳ hướng dẫn đầu tư vào Việt Nam sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hội đồng quản trị đưa ra quyết định phân bổ vốn và các nguồn lực khác cho Việt Nam.

Và chắc chắn, Việt Nam có thể mong đợi những hiệu ứng lan tỏa tích cực bên cạnh những hiệu ứng chuyển giao công nghệ chính thức hơn. Những tác động lan tỏa thường làm tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp trong nước và có ý nghĩa rất quan trọng đối với giai đoạn tăng trưởng tiếp theo của các doanh nghiệp Việt Nam. Đây là giai đoạn hướng tới cạnh tranh trên quy mô toàn cầu và do đó đòi hỏi các doanh nghiệp phải có phương pháp quản lý và sản xuất tốt nhất.

Sẵn sàng thu hút nhà đầu tư

Ở mức độ cơ bản, Việt Nam cần tiếp tục cải thiện môi trường kinh doanh để hấp dẫn hơn đối với các nhà đầu tư nước ngoài. Điều này bao gồm giảm quan liêu, đảm bảo pháp quyền và bảo vệ quyền sở hữu.

Ở mức độ cụ thể hơn, nhiều nghiên cứu cho thấy vai trò quan trọng của ngành công nghiệp phụ trợ khi thu hút FDI. Bằng cách phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực công nghệ cao, Việt Nam có thể thu hút các công ty dựa vào các ngành này.

Công nghiệp phụ trợ trong lĩnh vực công nghệ cao là gì? Đó có thể bao gồm các tổ chức giáo dục tập trung vào thiết kế vi mạch, mã hóa, kỹ thuật điện tử, các lĩnh vực tiên tiến trong y học và các lĩnh vực khác. Nhiều nhà sản xuất linh kiện chuyên dụng chắc chắn là một phần của các ngành công nghiệp hỗ trợ quan trọng.

Ví dụ, tỉnh Bắc Ninh đã chủ động khuyến khích các công ty trong nước nhận chuyển giao công nghệ, nâng cao tay nghề cho lực lượng lao động của họ và cũng tuân thủ các quy chuẩn tốt nhất trong sản xuất kể từ khi Samsung đầu tư trực tiếp vào tỉnh này. Từ năm 2012 đến năm 2023, số lượng công ty có trụ sở tại Bắc Ninh cung cấp linh kiện công nghệ cao đã tăng mạnh từ 126 lên 600. Kết quả là, nhiều doanh nghiệp FDI công nghệ cao khác đã đổ bộ vào tỉnh này trong những năm gần đây.

Những khoản FDI này bao gồm Foxconn sản xuất linh kiện cho Apple, Dell và Sony; Canon sản xuất máy in, máy scan; và Microsoft sản xuất máy tính bảng. Và bên cạnh đó, cũng có những hoạt động “công nghệ thấp” là phần quan trọng trong cụm công nghệ cao. Một ví dụ là các công ty đóng gói chất lượng cao hiệu rõ các yêu cầu trong ngành điện tử tiêu dùng hoặc các công ty hậu cần có thể xử lý hàng hóa nhạy cảm một cách đáng tin cậy.

Trường hợp như của cụm công nghệ cao của Bắc Ninh đã đưa ra lộ trình cho tiềm lực mà mối quan hệ đối tác chiến lược toàn diện với Hoa Kỳ có thể phát triển trên quy mô toàn quốc. Việc hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước trở thành đối tác và nhà cung cấp đáng tin cậy cho dòng vốn FDI hứa hẹn một tương lai tươi sáng cho Việt Nam, với con đường tiếp tục chuyển đổi sang sản xuất giá trị cao và trở thành một phần ngày càng quan trọng trong chuỗi giá trị công nghệ cao toàn cầu.

PHỤ LỤC 2.3

Cần kịp thời đưa ra chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp tư nhân lớn

Báo cáo Top 500 doanh nghiệp tư nhân Việt Nam (VPE500) giai đoạn 2021-2022 do Viện Chiến lược phát triển Việt Nam (VIDS) thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư công bố mới đây cho thấy, trong số các doanh nghiệp tư nhân trong nước, doanh nghiệp lớn có khả năng chống chịu và hồi phục tốt hơn các doanh nghiệp quy mô nhỏ trong đại dịch COVID-19.

Tính đến ngày 31/12/2021, Việt Nam có 694.200 doanh nghiệp tư nhân trong nước, chiếm 96,6% tổng số doanh nghiệp đang hoạt động và sử dụng 58,1% tổng số lao động. Tài sản và doanh thu thuần của họ lần lượt chiếm 59,3% và 57,8% tổng doanh nghiệp tại Việt Nam.

Một phát hiện đáng chú ý của Báo cáo VPE500 là trong đại dịch Covid-19, khả năng chống chịu của doanh nghiệp lớn tốt hơn doanh nghiệp vừa và nhỏ, thể hiện ở việc các doanh nghiệp nằm trong VPE500 vẫn có khả năng rót vốn đầu tư mở rộng sản xuất và tăng tài sản kinh doanh trong bối cảnh khó khăn như vậy.

Nhóm VPE500 cũng đang hoạt động xuất sắc và vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng tốt so với các doanh nghiệp tư nhân trong nước nói chung.

Phó Viện trưởng Viện Chiến lược Phát triển Việt Nam Nguyễn Quốc Trường cho biết, mặc dù VPE500 chỉ chiếm 0,075% tổng số doanh nghiệp tư nhân trong nước từ năm 2019 đến năm 2021 nhưng đã tạo ra 12% tổng số việc làm trong khu vực tư nhân trong nước.

Tài sản của VPE500 chiếm 28% tổng tài sản và tạo ra 18,4% tổng doanh thu của các doanh nghiệp tư nhân trong nước. Đóng góp vào ngân sách nhà nước của nhóm này chiếm 18,4% tổng đóng góp của tất cả các doanh nghiệp tư nhân trong nước.

Vi vậy, nhóm VPE 500 được kỳ vọng sẽ là thế lực dẫn đầu và có ảnh hưởng trên thị trường doanh nghiệp. Hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh của họ có tính quyết định trong các vấn đề chiến lược như đổi mới công nghệ, tham gia chuỗi giá trị toàn cầu và bảo vệ môi trường.

Đây cũng là nhóm doanh nghiệp dẫn đầu về hoạt động nghiên cứu, phát triển và tự động hóa so với doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Theo TS. Nguyễn Toàn Thắng, Trưởng phòng Quan hệ quốc tế VIDS, thành viên nhóm nghiên cứu VPE500-2023, VPE500 được hình thành dựa trên cơ sở hạ tầng, nguồn lực và lợi thế thị trường của các địa phương. Phần lớn VPE500 đang hoạt động trong các ngành sản xuất, chế biến, thương mại và xây dựng.

Tuy nhiên, ông chỉ ra rằng Việt Nam chưa có nhiều doanh nghiệp tư nhân có tầm ảnh hưởng trong khu vực và thương hiệu Việt vẫn có giá trị thấp hơn so với các nước Đông Nam Á khác.

Thay đổi cách tiếp cận chính sách

Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực bất động sản, xây dựng, thương mại, may mặc, chế biến thực phẩm bị ảnh hưởng nặng nề bởi Covid-19 đều nằm ngoài danh sách VPE500 năm nay.

Nhóm nghiên cứu đề xuất Chính phủ cần thay đổi cách tiếp cận trong việc hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp tư nhân bằng việc ban hành chính sách cụ thể đối với các tập đoàn tư nhân lớn.

TS Trần Toàn Thắng cho rằng bài học có thể được rút ra từ Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc. Trong giai đoạn đầu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các nước này đã có chính sách đặc biệt hỗ trợ hình thành các tập đoàn kinh tế tư nhân hùng mạnh, tạo “xương sống” cho nền kinh tế của họ.

Ở Việt Nam, hầu hết các doanh nghiệp tư nhân được thành lập sau thời kì Đổi mới. Sự hỗ trợ của Nhà nước dành cho nhóm này cần thực chất và đủ mạnh để thúc đẩy việc thành lập các doanh nghiệp quy mô lớn.

Ngoài ra, cần có những chính sách cụ thể hơn để xây dựng lực lượng doanh nghiệp tư nhân lớn, ổn định, có khả năng chống chịu với những cú sốc lớn từ bên ngoài và tăng hiệu quả của toàn bộ nền kinh tế.

Trong bối cảnh doanh nghiệp đang gặp nhiều khó khăn sau đại dịch Covid-19, nhóm nghiên cứu thống nhất, các chính sách dành cho doanh nghiệp thời gian tới không chỉ cần tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia thị trường mà còn hỗ trợ doanh nghiệp tồn tại và phát triển. Đặc biệt, các doanh nghiệp lớn cần được khuyến khích đầu tư nhiều hơn để nâng cao năng suất và từng bước chuyển sang tăng trưởng theo chiều sâu.

Đồng thời, cần xây dựng chính sách kinh tế thúc đẩy liên kết doanh nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài liên doanh, liên kết với doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nước.

Các địa phương cần tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích xây dựng các doanh nghiệp tư nhân hàng đầu trên cơ sở lợi thế của địa phương.

Việc đầu tư của nhóm VPE500 tăng 1% sẽ thúc đẩy đầu tư của doanh nghiệp tư nhân trong nước thêm 0,45% trong năm đầu tiên và thêm 0,26% trong năm tiếp theo.

Mỗi mức tăng đầu tư 1% của nhóm VPE500 sẽ làm tăng đầu tư của doanh nghiệp tư nhân trong nước thêm 0,45% trong năm đầu tiên và 0,26% trong năm tiếp theo. Con số này cho thấy đầu tư của các công ty tư nhân lớn hơn sẽ kích thích nhu cầu đầu tư từ các doanh nghiệp tư nhân nhỏ hơn, đóng vai trò là nhà cung cấp hoặc công ty vệ tinh cho VPE500.

TS. TRẦN TOÀN THẮNG
Trưởng phòng Quốc tế, Viện Chiến lược Phát triển Việt Nam

Giới thiệu

Phát triển kỹ năng là một phần quan trọng trong tăng trưởng trong tương lai của Việt Nam, nhưng các yếu tố chính của hệ thống phát triển kỹ năng cần phải được tăng cường. Thị trường lao động Việt Nam phải đối mặt với những thách thức do sự tăng trưởng liên tục của các ngành công nghiệp dựa trên tri thức, số hóa và tự động hóa, nhu cầu cấp thiết nhằm tạo điều kiện phát triển thân thiện với khí hậu và tình trạng già hóa dân số làm thay đổi các loại kỹ năng được yêu cầu, tốc độ thay đổi nhu cầu kỹ năng và lực lượng lao động sẵn sàng đáp ứng những nhu cầu này. Nghiên cứu gần đây đã nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc phát triển kỹ năng trong tương lai của Việt Nam. Nhưng các yếu tố chính của hệ thống phát triển kỹ năng của Việt Nam phải được tăng cường. Một lĩnh vực cơ bản mà công tác chẩn đoán gần đây đã phát hiện ra điểm yếu là thông tin thị trường lao động của Việt Nam. Các cơ sở giáo dục và đào tạo nghề và các nhà cung cấp dịch vụ việc làm thiếu thông tin chi tiết về các kỹ năng cần thiết để xây dựng chương trình giảng dạy, tư vấn cho sinh viên và đưa người tìm việc vào con đường tìm được việc làm phù hợp.

Khảo sát kỹ năng chi tiết (SDS) là bước đầu tiên nhằm thu thập thông tin về kỹ năng chi tiết ở Việt Nam. Những nỗ lực ở các nước đang phát triển nhằm lập hồ sơ kỹ năng và nhiệm vụ nghề nghiệp thường dựa trên dữ liệu từ các quốc gia khác, thường xuyên nhất là Mạng thông tin nghề nghiệp của Hoa Kỳ (O*NET). Tuy nhiên, việc sử dụng cơ sở dữ liệu O*NET bên ngoài Hoa Kỳ đòi hỏi phải giả định rằng các đặc điểm nghề nghiệp được mô tả trong O*NET là nhất quán giữa các quốc gia. Nghiên cứu đã chỉ ra rằng giả định này không đúng do sự khác biệt về nhiệm vụ, kỹ năng và công nghệ sản xuất, đặc biệt ở các nền kinh tế có thu nhập thấp và trung bình. Để tránh điều này, SDS dựa trên O*NET và các phương pháp đã được chứng minh khác và áp dụng cách tiếp cận cụ thể theo từng quốc gia. SDS hỏi người lao động tại Việt Nam về nhiệm vụ và kỹ năng của họ đối với một số ngành nghề đang có nhu cầu cao hoặc có tầm quan trọng chiến lược đối với tăng trưởng kinh tế. Khi làm như vậy, SDS tìm cách tạo ra thông tin chi tiết, thực tế ở cấp độ nghề nghiệp mà các nhà hoạch định chính sách và những người thực hành có thể sử dụng để cung cấp thông tin cho nỗ lực xây dựng kỹ năng của họ ở Việt Nam. Báo cáo này giải thích phương pháp luận của SDS, cung cấp kết quả tóm tắt cho 30 ngành nghề được nhắm đến trong vòng SDS này và trình bày ví dụ về hồ sơ nghề nghiệp chi tiết cho một trong 30 ngành nghề này, Chuyên gia Điều dưỡng. SDS cũng thúc đẩy điều tra sâu hơn về các kỹ năng ở Việt Nam, đặc biệt là những kỹ năng cần thiết cho việc làm xanh.

SDS có một số đóng góp. Đầu tiên, SDS cung cấp một bức tranh toàn diện nhưng cũng sâu sắc về các yêu cầu về kỹ năng, nhiệm vụ và trình độ học vấn cho một loạt ngành nghề chi tiết ở Việt Nam. SDS là một trong những cuộc khảo sát đầu tiên thu thập thông tin này ở cấp độ nghề nghiệp chi tiết ở các nước đang phát triển. Đây là một bước quan trọng ngoài việc dựa vào dữ liệu được thu thập ở các quốc gia (phát triển) khác. Việc thu thập thông tin về các kỹ năng chi tiết có nghĩa là các kỹ năng này có thể được nhóm linh hoạt thành các loại khác nhau (ví dụ: kỹ năng cảm xúc xã hội, kỹ năng kỹ thuật số, kỹ năng thường ngày, kỹ năng giao tiếp cá nhân) khi cần thiết. Việc sử dụng một thang đo nhất quán gắn liền với thời gian sử dụng hoặc thực hiện một kỹ năng hoặc nhiệm vụ sẽ mang lại thước đo về tầm quan trọng của kỹ năng và nhiệm vụ có thể dễ dàng diễn giải. Cách tiếp cận SDS cũng có một số lợi thế so với việc thu thập dữ liệu kỹ năng và nhiệm vụ thông qua dữ liệu vị trí tuyển dụng trực tuyến, vốn đã trở nên phổ biến trong những năm gần đây. Trong bối cảnh các nước đang phát triển, dữ liệu tuyển dụng trực tuyến có xu hướng thiên về các nghề và việc làm có kỹ thuật số có kỹ năng cao hơn tại các công ty sử dụng Internet (CSC 2019; Ngân hàng Thế giới 2021). SDS tránh sự thiên vị này bằng cách trước tiên chọn các ngành nghề quan tâm, bao gồm cả các công việc có tay nghề thấp và sử dụng khung lấy mẫu dựa trên Khảo sát lực lượng lao động của Việt Nam. Cuối cùng, thông tin được tạo ra có thể dễ dàng được tổng hợp thành hồ sơ để chia sẻ với các bên liên quan trên thị trường lao động nhằm đưa ra các quyết định về nghề nghiệp và nơi làm việc. Tuy nhiên, SDS vẫn có một số điểm yếu. SDS yêu cầu kinh phí để thực hiện một cuộc khảo sát. Việc thu thập dữ liệu ban đầu chỉ bao gồm 30 trong số hàng trăm ngành nghề ở Việt Nam. Việc đưa vào tất cả các ngành nghề được cập nhật thường xuyên sẽ đòi hỏi phải có sự đầu tư liên tục. Việc bổ sung SDS bằng dữ liệu tuyển dụng trực tuyến, có thể được thu thập thường xuyên với chi phí tương đối thấp, có thể giúp đạt được tính bền vững về lâu dài.

Kết luận

Việc đảm bảo tính bền vững trong nỗ lực lập hồ sơ nghề nghiệp sẽ đòi hỏi phải đầu tư liên tục. Để hữu ích cho sinh viên, người sử dụng lao động, cơ sở đào tạo, nhà hoạch định chính sách và các bên liên quan khác trên thị trường lao động, thông tin thị trường lao động phải vừa toàn diện vừa cập nhật. Điều này có nghĩa là SDS cần phải được mở rộng để bao phủ tất cả các ngành nghề ở Việt Nam. Cũng cần phải lập kế hoạch để xem xét định kỳ các ngành nghề đã được SDS bảo vệ. Những nỗ lực này đòi hỏi phải đầu tư vào quản lý khảo sát, phân tích dữ liệu thu thập được và phổ biến kết quả. Việc bổ sung SDS bằng dữ liệu vị trí tuyển dụng trực tuyến có thể giúp bù đắp một số chi phí cho việc cập nhật thường xuyên thông tin nghề nghiệp do SDS thu thập. Dữ liệu vị trí tuyển dụng trực tuyến về các kỹ năng và nhiệm vụ có thể giúp giữ cho hồ sơ nghề nghiệp luôn mới giữa các vòng thu thập dữ liệu, việc này có thể diễn ra trong khoảng thời gian dài hơn nếu được bổ sung bằng dữ liệu vị trí tuyển dụng trực tuyến. Ví dụ: O*NET sử dụng các tin tuyển dụng trực tuyến để xác định các công cụ và công nghệ, thông báo các nguyên tắc phân loại báo cáo nhiệm vụ và xác định các chức danh công việc mới để cập nhật hồ sơ nghề nghiệp. Việc kết hợp các nguồn dữ liệu bổ sung vào hồ sơ nghề nghiệp cũng rất quan trọng để đảm bảo tạo ra một bức tranh hoàn chỉnh. Dữ liệu Khảo sát lực lượng lao động, khảo sát doanh nghiệp, tham vấn với người sử dụng lao động và các bên liên quan khác trên thị trường lao động và nhiều nguồn khác là những bổ sung hữu ích cho SDS và dữ liệu tuyển dụng trực tuyến. Do đó, SDS là một phần của hệ sinh thái thông tin thị trường lao động với lợi thế so sánh là cung cấp thông tin toàn diện, chi tiết về các kỹ năng và nhiệm vụ nghề nghiệp.

PHỤ LỤC 3.2

Báo cáo của KPMG: Khảo sát Ngành Xây dựng Toàn cầu 2023 - Thách thức quen thuộc, cách tiếp cận mới

Lời mở đầu

Bằng nhiều cách, việc ứng phó với đại dịch đã thực sự làm nổi bật những khía cạnh tiên tiến nhất của ngành khoa học đời sống. Tốc độ xác định, thử nghiệm, phát triển, phê duyệt và triển khai vắc-xin và phương pháp điều trị hiệu quả cho COVID-19 trên quy mô toàn cầu là minh chứng cho khả năng kết nối giữa các lợi ích chung của cộng đồng, ngành và chính phủ.

Tuy nhiên, ngày nay, nhận thức của công chúng về các tổ chức khoa học đời sống - và đặc biệt là các công ty dược phẩm - phần lớn đã quay trở lại mức trước đại dịch. Bệnh nhân, nhà cung cấp và người trả tiền ngày càng mong đợi các tổ chức đổi mới với tốc độ nhanh hơn để đáp ứng các nhu cầu lâm sàng mới nổi, minh bạch về giá thuốc và thể hiện mục đích cao hơn lợi nhuận.

Tất nhiên, việc đạt được những mục tiêu này rất phức tạp bởi những biến động kinh tế và địa chính trị hiện nay. Một số công ty đang cố gắng vượt qua cơn bão. Những người khác đang xem xét lại mô hình hoạt động của họ để đảm bảo họ có thể đáp ứng mong đợi của các bên liên quan, dự đoán và chống chọi với các mối đe dọa cũng như tận dụng những hiểu biết sâu sắc dựa trên dữ liệu để giành chiến thắng trên thị trường.

Trong bài viết này, chúng tôi xem xét bốn tín hiệu thay đổi chính tác động đến ngành hiện nay. Chúng tôi cũng xác định bốn mệnh lệnh chiến lược để giúp các tổ chức nắm bắt cơ hội trong môi trường hiện tại. Chúng tôi tin rằng những người tận dụng tối đa những cơ hội này bây giờ sẽ định hình tương lai của khoa học đời sống.

Các dấu hiệu Thay đổi

- Y học chính xác sẽ sớm thành hiện thực. Nó đang đưa khoa học đời sống trực tiếp vào quá trình chăm sóc bệnh nhân liên tục.
- Sức khỏe kỹ thuật số là trọng tâm giúp các công ty khoa học đời sống có khả năng giới thiệu những cải tiến mới đáp ứng mong đợi của người tiêu dùng về trải nghiệm chăm sóc sức khỏe tốt hơn.
- Trí tuệ nhân tạo và Học máy đang cải thiện sự phát triển R&D và MedTech, mặc dù các biện pháp bảo mật là rất quan trọng để khai thác hết tiềm năng của chúng.
- Rủi ro nghiêm trọng vẫn tồn tại bao gồm chuỗi cung ứng, vi phạm mạng và hàng giả.

Những yêu cầu mang tính chiến lược

- Thiết kế các trải nghiệm lấy khách hàng làm trung tâm, dựa trên công nghệ để đáp ứng nhu cầu của người chi trả, nhà cung cấp và bệnh nhân.
- Phát triển quan hệ đối tác AI với nhiều công ty AI - từ các công ty khởi nghiệp tập trung đến Big Tech - để có thời gian tiếp thị nhanh hơn.
- Suy nghĩ lại về chuỗi cung ứng để mang lại trải nghiệm khách hàng được kết nối nhiều hơn, hỗ trợ các liệu pháp điều trị mới và thuốc chính xác, đồng thời giảm thiểu nguy cơ gián đoạn.
- Quản lý rủi ro mạng liên quan đến các công nghệ mới nổi từ AI và ML đến đám mây và Internet vạn vật công nghiệp.

Kết luận

Từ y học chính xác, sức khỏe kỹ thuật số đến AI, các xu hướng thịnh hành trong ngành khoa học đời sống báo hiệu một thời kỳ kết nối và đổi mới đáng kinh ngạc, sẵn sàng thay đổi cách bệnh nhân và nhà cung cấp của họ hiểu, quản lý và thậm chí chữa khỏi các bệnh mãn tính. Các tổ chức phân tích vị trí của họ trên đường cong trưởng thành liên quan đến các xu hướng này nên chuẩn bị kỹ lưỡng để hành động theo các mệnh lệnh sẽ giúp họ định hình tương lai của khoa học đời sống.

Điều đó có thể có nghĩa là phát triển khả năng kết nối hỗ trợ công nghệ giữa họ và bệnh nhân, nhà cung cấp, người trả tiền và nhân viên. Hoặc nó có thể đòi hỏi phải tăng tốc thời gian tiếp thị các loại thuốc đột phá thông qua R&D hỗ trợ AI, cả thử nghiệm lâm sàng trực tiếp và ảo, cũng như các phương thức thương mại hóa mới. Gắn liền với cả hai nỗ lực trên sẽ là nhu cầu phải hình dung lại và trong một số trường hợp, phân đoạn chuỗi cung ứng để các loại hình sản xuất thuốc khác nhau có thể tiến hành trên các con đường song song.

Và, đằng sau hậu trường, các nỗ lực về an ninh mạng và bảo mật dữ liệu trong khoa học đời sống phải luôn theo kịp tốc độ đổi mới. Điều này sẽ đảm bảo rằng các tổ chức có thể hạn chế số tiền chi cho việc khắc phục mối đe dọa mà sẽ được chi tốt hơn vào việc cung cấp cho bệnh nhân trải nghiệm khách hàng được kết nối, kiểm soát chặt chẽ hơn tình trạng của họ và cuối cùng là chất lượng cuộc sống tốt hơn nhiều.

PHỤ LỤC 3.3
Báo cáo của ADB: Triển vọng phát triển Châu Á (ADO) - Tháng 09/2023

Thông điệp chính

- Bản cập nhật này điều chỉnh giảm nhẹ dự báo tăng trưởng của khu vực trong năm nay xuống 4,7% do tốc độ tăng trưởng chậm hơn ở Nam Á và Đông Nam Á. Dự báo tăng trưởng cho năm 2024 giữ nguyên ở mức 4,8%.
- Lạm phát ở châu Á đang phát triển được dự báo sẽ giảm từ 4,4% năm ngoái xuống 3,6% vào năm 2023 và 3,5% vào năm 2024. Phần lớn mức giảm trong năm nay sẽ do Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (PRC), nơi dự báo lạm phát được điều chỉnh giảm xuống đến 0,7%.
- Rủi ro suy yếu với bối cảnh kinh tế ngày càng gia tăng. Cần theo dõi chặt chẽ những điểm yếu trong lĩnh vực bất động sản của Trung Quốc. Trên toàn khu vực, các nhà chức trách sẽ cần thực hiện các bước chính sách để đảm bảo rằng sự gián đoạn nguồn cung và tác động trên diện rộng của El Niño không gây ra những thách thức về an ninh lương thực. Rủi ro về ổn định tài chính đòi hỏi phải tiếp tục cảnh giác ở các nền kinh tế dễ bị tổn thương khi kỷ nguyên tiền tệ dễ dàng kết thúc. Về mặt tích cực, lạm phát giảm nhanh hơn dự kiến ở Mỹ có thể thúc đẩy triển vọng toàn cầu.

Việt Nam

Nền kinh tế chậm lại hơn dự kiến trong nửa đầu năm 2023, bị ảnh hưởng bởi nhu cầu bên ngoài giảm. Do sự suy giảm không lường trước được, dự báo tăng trưởng trong ADO tháng 4 năm 2023 bị hạ xuống 5,8% vào năm 2023 (từ 6,5%) và 6,0% vào năm 2024 (từ 6,8%). Lạm phát hiện được dự đoán sẽ thấp hơn một chút so với dự báo vào tháng 4, với giá hàng hóa trong nước ổn định giúp giá tiêu dùng tăng lên 3,8% vào năm 2023 và 4,0% vào năm 2024.

Đánh giá cập nhật

Sự phục hồi kinh tế bị ảnh hưởng tiêu cực do nhu cầu bên ngoài suy giảm. Tăng trưởng kinh tế chậm lại ở mức 3,7% trong nửa đầu năm 2023 so với 6,5% cùng kỳ năm 2022. Nhờ tiêu dùng trong nước mạnh mẽ, khu vực dịch vụ tăng trưởng 6,3% và đóng góp 2,7 điểm phần trăm vào tổng mức tăng trưởng. Trong 8 tháng đầu năm 2023, lượng khách quốc tế đến Việt Nam đạt 7,8 triệu lượt, cao gấp 5,4 lần so với một năm trước đó (nhưng vẫn thấp hơn một chút so với mức trước đại dịch là 70,0%).

Nhu cầu bên ngoài yếu, bao gồm cả sự phục hồi chậm chạp ở Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (PRC), đã cản trở hoạt động sản xuất hướng đến xuất khẩu. Chỉ số sản xuất công nghiệp giảm 0,4% trong 8 tháng đầu năm 2023, khiến doanh nghiệp phải đóng cửa ngày càng nhiều. Trung bình mỗi tháng có 15.600 công ty đóng cửa và hàng trăm nghìn công nhân bị sa thải. Tốc độ tăng trưởng chung của ngành công nghiệp và xây dựng giảm xuống 1,1% trong nửa đầu năm 2023. Tuy nhiên, trong đó, tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng đã tăng lên 4,7% so với mức 4,2% của năm ngoái do các hạn chế đi lại được dỡ bỏ. Nông nghiệp duy trì mức tăng trưởng mạnh ở mức 3,1% nhờ giá hàng hóa tăng đã khuyến khích các hoạt động nông nghiệp tăng lên.

Về phía cầu, sự phục hồi của du lịch nội địa khiến tiêu dùng tăng 2,7% trong nửa đầu năm 2023. Tuy nhiên, đầu tư vẫn giảm trong nửa đầu năm 2023 do tổng tăng trưởng hình thành vốn giảm xuống 1,2% từ mức 3,8% một năm trước đó. Giải ngân đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là 10 tỷ USD trong nửa đầu năm 2023, bằng mức của năm trước. Tuy nhiên, cam kết FDI trong nửa đầu năm 2023, ước tính đạt 13,4 tỷ USD, giảm 4,3% so với cùng kỳ năm ngoái do căng thẳng địa chính trị và điều kiện tài chính toàn cầu thắt chặt. Nhu cầu bên ngoài yếu khiến thương mại trở nên tồi tệ, cản trở tăng trưởng chung.

Trong 8 tháng đầu năm, áp lực lạm phát giảm nhẹ nhờ giá dầu giảm và tỷ giá ổn định. Mặc dù lạm phát chung ở mức trung bình 3,1% so với cùng kỳ năm ngoái, lạm phát cơ bản (loại bỏ tác động của các yếu tố tạm thời) vẫn ở mức cao 4,6%.

Sự phục hồi chậm của nền kinh tế toàn cầu đã kéo xuất khẩu và nhập khẩu giảm. Lãi suất cao ở Mỹ và châu Âu làm chậm quá trình phục hồi và giảm nhu cầu từ các đối tác thương mại lớn. Kim ngạch xuất khẩu 8 tháng đầu năm 2023 giảm 10,0% so với cùng kỳ năm 2022. Nhu cầu giảm mạnh hơn nhiều tại các thị trường trọng điểm của Việt Nam, trong đó xuất khẩu sang Mỹ giảm 20,6%, Liên minh châu Âu giảm 9,7%. % và Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) tăng 6,8%. Các lô hàng điện thoại di động, máy tính và sản phẩm điện tử chiếm 30,0% tổng kim ngạch xuất khẩu, giảm 15,0%. Trong khi đó, xuất khẩu máy móc và thiết bị, chiếm 12,0% tổng kim ngạch xuất khẩu, lại giảm 10,0%.

Sản xuất tri trở làm giảm nhập khẩu đầu vào sản xuất. Đầu vào sản xuất chiếm 93,8% tổng nhập khẩu nhưng giảm đáng kể 16,4% xuống còn 194,7 tỷ USD trong 8 tháng đầu năm 2023. Do nhập khẩu giảm nhanh hơn xuất khẩu nên thặng dư thương mại ngày càng mở rộng, đạt 20,2 tỷ USD trong cùng kỳ. Trong nửa đầu năm 2023, tài khoản vãng lai của cán cân thanh toán chuyển sang trạng thái thặng dư ước tính khoảng 6,0% GDP từ mức thâm hụt 3,6% một năm trước.

Dự báo

Dự báo tăng trưởng và lạm phát trong bản cập nhật này được điều chỉnh giảm so với dự báo trong ADO tháng 4 năm 2023. Tăng trưởng kinh tế hiện được dự kiến sẽ giảm xuống 5,8% vào năm 2023 trước khi cải thiện lên 6,0% vào năm 2024. Dự báo lạm phát cũng được giảm rõ rệt. Các lực tác động chính đến nền kinh tế là suy thoái kinh tế toàn cầu, thắt chặt tiền tệ ở một số nước tiên tiến và tác động tiếp tục của cuộc xâm lược Ukraine của Nga.

Nhu cầu toàn cầu suy giảm ảnh hưởng đến ngành sản xuất ở Việt Nam, dẫn đến dự báo cho các ngành liên quan bị cắt giảm. Chỉ số nhà quản lý mua hàng trong lĩnh vực sản xuất đã tăng lên trên 50 (mở rộng) vào tháng 8 năm 2023 sau 5 tháng liên tiếp suy giảm, cho thấy sự phục hồi của ngành sản xuất dựa trên tiêu dùng. Ngành công nghiệp được dự báo sẽ tăng trưởng ở mức 7,0% vào năm 2023. Xây dựng có thể tăng trưởng nếu các dự án cơ sở hạ tầng lớn có thể được triển khai theo đúng kế hoạch.

Các lĩnh vực khác được dự báo sẽ có sự tăng trưởng lành mạnh. Các dịch vụ dự kiến sẽ tiếp tục mở rộng, được hỗ trợ bởi du lịch hồi sinh và sự phục hồi của các dịch vụ liên quan. Trong tháng 8, doanh số bán lẻ cải thiện 7,6% so với cùng kỳ năm ngoái, doanh số 8 tháng đầu năm 2023 tăng 10,0% so với cùng kỳ năm ngoái. Nông nghiệp sẽ được hưởng lợi từ giá lương thực tăng và lĩnh vực này hiện được dự đoán sẽ tăng trưởng 3,2% vào năm 2023.

Về phía cầu, tiêu dùng trong nước sẽ được hỗ trợ bởi lạm phát ở mức vừa phải và duy trì tăng trưởng trong thời gian còn lại của năm. Đầu tư công sẽ là động lực chính cho sự phục hồi và tăng trưởng kinh tế vào năm 2023. Chính phủ cam kết giải ngân khoảng 30 tỷ USD trong năm. Trong những tháng gần đây, cam kết chính trị mạnh mẽ đã mang lại những cải thiện đáng kể trong việc giải ngân bất chấp những hạn chế pháp lý dai dẳng. Trong 8 tháng đầu năm 2023, gần 50,0% kế hoạch giải ngân đầu tư công hàng năm đã được thực hiện (tăng từ mức 33,0% vào cuối tháng 6 năm 2023). Việc tăng tốc chi tiêu của chính phủ có thể mang lại sự kích thích đáng hoan nghênh cho nhu cầu trong thời gian còn lại của năm. Đầu tư nước ngoài có dấu hiệu phục hồi bất chấp kinh tế toàn cầu suy thoái, với cam kết FDI đến tháng 8/2023 ở mức 18,2 tỷ USD, tăng 8,2% so với cùng kỳ năm ngoái và FDI giải ngân tăng nhẹ 1,3%, ở mức 13,1 tỷ USD.

Nhu cầu toàn cầu yếu sẽ làm giảm triển vọng thương mại trong thời gian còn lại của năm 2023 và 2024. Tuy nhiên, xuất khẩu trong tháng 8 năm 2023 cho thấy tín hiệu phục hồi khi tăng 7,7% hàng tháng. Tăng trưởng xuất nhập khẩu dự kiến sẽ quay trở lại mức khiêm tốn 5,0% trong năm nay và năm tới với sự phục hồi của nhu cầu bên ngoài. Hoạt động thương mại mạnh mẽ sẽ giúp duy trì thặng dư tài khoản vãng lai trong năm nay, ước tính khoảng 3,0% GDP. Khi hoạt động sản xuất được khôi phục, đẩy mạnh nhập khẩu nguyên liệu đầu vào cho sản xuất, cán cân tài khoản vãng lai dự kiến sẽ thu hẹp xuống còn 2,0% GDP vào năm 2024.

Dự báo lạm phát tháng 4 năm 2023 của ADO được hạ xuống mức 3,8% cho năm 2023 và 4,0% cho năm 2024. Áp lực lạm phát trong thời gian tới có thể đến từ sự gián đoạn của chuỗi cung ứng toàn cầu do Nga tiếp tục xâm lược Ukraine. Tuy nhiên, áp lực này có thể được hạn chế nhờ giá khí đốt và xăng dầu giảm trong nửa cuối năm và giá thực phẩm trong nước ổn định.

Chính sách phối hợp có thể hỗ trợ phục hồi kinh tế một cách hiệu quả, có tính đến sự ổn định tương đối về giá và nhu cầu yếu. Trong ngắn hạn, chính sách tiền tệ cần mang tính hỗ trợ và mở rộng chính sách tài khóa. Tăng trưởng tín dụng chậm cho thấy việc nới lỏng chính sách tiền tệ phải phối hợp chặt chẽ với thực thi chính sách tài khóa để thúc đẩy hoạt động kinh tế một cách hiệu quả. Dự phòng tín dụng của các ngân hàng dự kiến sẽ tăng chậm do tổng nợ xấu tăng lên, ước tính khoảng 5,0% vào tháng 3 năm 2023 và yêu cầu dự phòng tương ứng cũng tăng lên.

Rủi ro đối với triển vọng kinh tế của Việt Nam vẫn còn cao. Trong nước, các vấn đề mang tính hệ thống trong việc giải ngân đầu tư công và những yếu kém về cơ cấu của nền kinh tế thực là những rủi ro chính gây suy thoái nền kinh tế. Về bên ngoài, sự suy giảm đáng kể trong tăng trưởng toàn cầu và sự phục hồi yếu kém ở Trung Quốc có thể ảnh hưởng tiêu cực đến xuất khẩu, hoạt động sản xuất và việc làm của Việt Nam. Lãi suất duy trì ở mức cao ở Mỹ và châu Âu cùng với đồng đô la Mỹ mạnh hơn có thể gây thêm khó khăn cho việc phục hồi nhu cầu bên ngoài và dẫn đến tỷ giá đồng tiền đồng yếu đi.

Trung tâm Thông tin Kinh tế (BIZIC) – Đơn vị trực thuộc Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) phối hợp cùng Công ty KPMG tại Việt Nam

Bản quyền © 2010 bởi Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam – VCCI

© 2023 Công ty TNHH KPMG, Công ty TNHH Thuế và Tư vấn KPMG, Công ty Luật TNHH KPMG, Công ty TNHH Dịch vụ KPMG, đều là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập tại Việt Nam và là công ty thành viên trong tổ chức toàn cầu của các công ty KPMG độc lập, liên kết với KPMG International Limited, một công ty trách nhiệm hữu hạn theo bảo lãnh được thành lập tại Vương Quốc Anh. Tất cả các quyền được bảo hộ.

